TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/DS-ST
Ngày: 10-6-2025
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút
Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Tài chính TNHH MTV S**; Địa chỉ trụ sở: Tầng 19, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng, đường T, phường T, thành phố T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân H1, sinh năm 2002; Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994; Ông Lương Văn C, sinh năm 1992; Ông Lê Đình Minh T, sinh năm 1999 và bà Đỗ Thị Thùy T, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: 81 N, phường H, quận H, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền số 048/2024/GUQ-TGĐ ngày 04/10/2024 của Tổng Giám đốc Công ty tài chính MTV S; Giấy ủy quyền số 41/2024/UQ-KK-SVFC ngày 11/11/2024 của đại diện Công ty tài chính MTV S; Văn bản ủy quyền số: 16/UQ2024 ngày 11/11/2024 của Công ty Luật TNHH MTV D). *Ông H1 có mặt*.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh ngày 02/09/1984; Chứng minh nhân dân số: 201486xxx; Ngày cấp: 16/07/2018; Nơi cấp: Công an thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Thôn Xuân Phú, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hoàng Xuân H1 trình bày:*

Ngày 25/11/2020, Công ty tài chính TNHH MTV S (Sau đây gọi tắt là "Công ty tài chính S" hoặc "Công ty") và bà Nguyễn Thị Thu T có ký hợp đồng

cho vay số 100430973 (*Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng*"). Theo đó, Công ty tài chính TNHH MTV S cho bà Nguyễn Thị Thu T vay số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) với lãi suất: 38%/năm, mục đích vay: Chi phí sửa chữa nhà ở; loại hình vay: tín chấp (*không yêu cầu tài sản đảm bảo*). Vào ngày 25/11/2020, Công ty Tài chính S đã giải ngân đủ số tiền 33.000.000 đồng (*Ba mươi ba triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Thu T. Căn cứ quy định của hợp đồng, bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1.534.306 đồng, kỳ đầu tiền vào ngày 16/12/2020, kỳ cuối cùng vào ngày 16/11/2023. Tuy nhiên đến nay, bà Nguyễn Thị Thu T chỉ mới thanh toán tổng cộng 12 kỳ với tổng số tiền 18.455.142đ (*Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng*); trong đó: gốc đã thanh toán là 7.460.084 đồng, lãi đã thanh toán là 10.995.058 đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện nhưng bà Nguyễn Thị Thu T vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính S. Vì vậy, Công ty Tài chính S kính đền nghị Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi tính đến hết ngày 10/06/2025, như sau:

- Nợ gốc : 25.539.916 đồng
- Nợ lãi trong hạn : 11.283.474 đồng
- Lãi chậm trả/gốc quá hạn: 35.004.153 đồng
- Lãi chậm trả/lãi quá hạn : 3.164.809 đồng
- Tổng cộng là: 74.992.352đ (*Bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng*).

2. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo hợp đồng trên dư nợ gốc từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 100430973 ngày 25/11/2020 giữa bên cho vay là Công ty Tài chính TNHH MTV S với bên vay tiền là bà Nguyễn Thị Thu T. Đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các bên có tranh chấp, Công ty tài chính TNHH MTV S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền còn nợ. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực pháp luật tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng và pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[2] *Về thời hiệu khởi kiện*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự. Theo Hợp đồng cho vay ngày 25/11/2020 thì thời hạn trả gốc và lãi là 36 kỳ,

tương ứng với thời gian trả cuối cùng là ngày 16/11/2023. Ngày 04/12/2024, Công ty Tài chính TNHH S đã nộp đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng vay, nên theo quy định tại Điều 429 và khoản 1 Điều 154 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định của pháp luật.

[3] *Về thẩm quyền:* Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T có địa chỉ tại thôn X, xã H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

[4] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về *nội dung:* Vào ngày 25/11/2020 Công ty tài chính TNHH MTV S đã giải ngân cho bà T vay số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) theo Hợp đồng cho vay số 100430973. Theo đại diện nguyên đơn trình bày thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho vay. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/6/2025 là 74.992.352đ (*Bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng*) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay tài sản mà các bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T vắng mặt trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 25/12/2020 bà Nguyễn Thị Thu T có ký với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam Hợp đồng cho vay số 100430973, theo đó bà T vay số tiền 33.000.000đ (*Ba mươi ba triệu đồng*) với lãi suất 38%/năm, mục đích vay: chi phí sửa chữa nhà ở; loại hình vay: tín chấp (*không yêu cầu tài sản đảm bảo*) và cam kết trả nợ trong thời hạn 36 kỳ; kỳ trả số tiền gốc, lãi đầu tiên là ngày kỳ đầu tiền vào ngày 16/12/2020, kỳ cuối cùng vào ngày 16/11/2023. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản thì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trong Hợp đồng cho vay, bị đơn là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết, do vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến 10/6/2025 là 74.992.352đ (*Bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng*) và lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng cho vay số 100430973 ngày 25/11/2020, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc Hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, nợ lãi chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết.

[7] Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí theo giá ngạch là 74.992.352 đồng x 5% = 3.749.617 đồng.

[9] Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 429 và khoản 1 Điều 154; các Điều 117, 119, 274, 275, 280, 351, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng số 07/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 của Văn phòng Quốc Hội.

- Căn cứ vào Điều 7 Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty tài chính TNHH MTV S về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho Công ty tài chính TNHH MTV S số tiền tính đến ngày 10/6/2025 là 74.992.352đ (*Bảy mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi hai đồng*). Trong đó: nợ gốc: 25.539.916 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.283.474 đồng; lãi chậm trả/gốc quá hạn: 35.004.153 đồng; lãi chậm trả/lãi quá hạn: 3.164.809 đồng.

Và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số100430973 ngày 25/11/2020.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.749.617đ (*Ba triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, sáu trăm mười bày đồng*).

+ Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH MTV S số tiền tạm ứng án phí 1.644.000đ (*Một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008371 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Đức Thiện